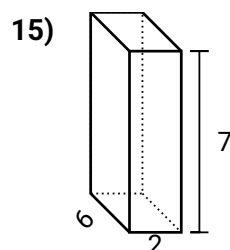
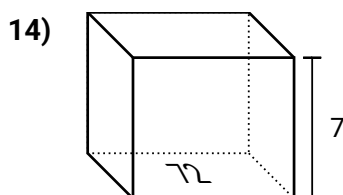
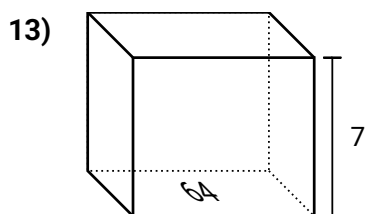
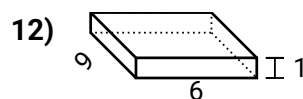
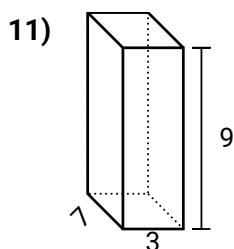
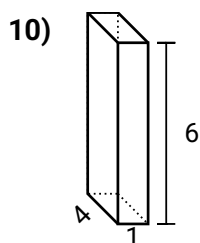
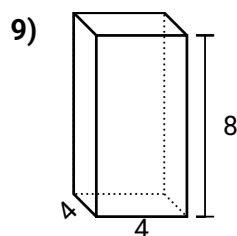
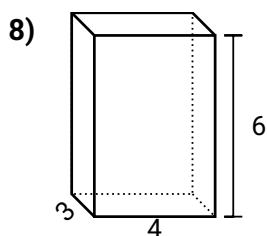
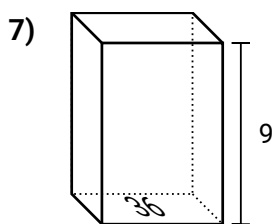
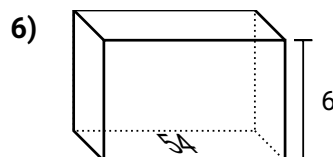
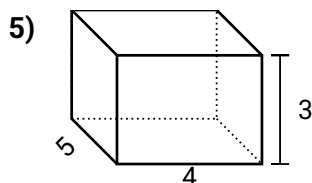
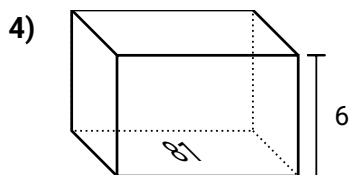
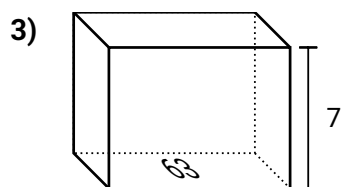
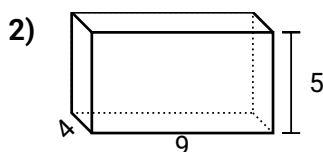
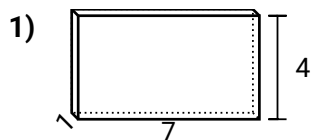




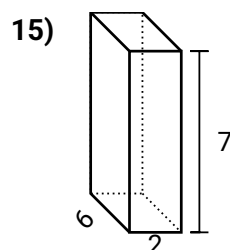
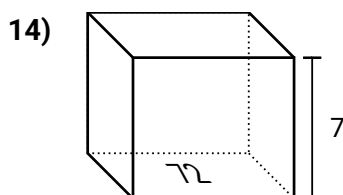
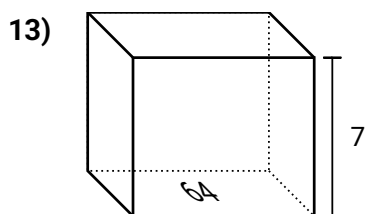
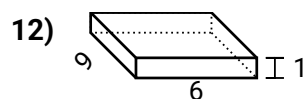
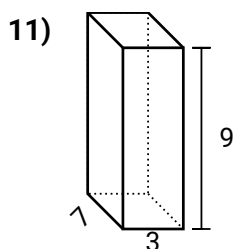
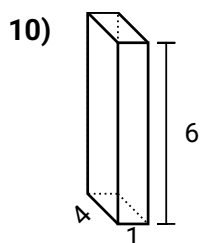
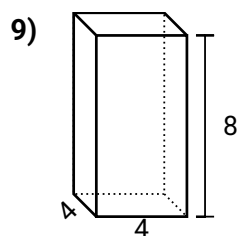
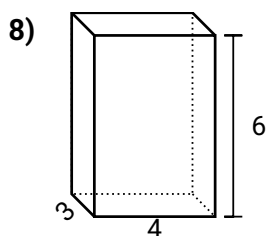
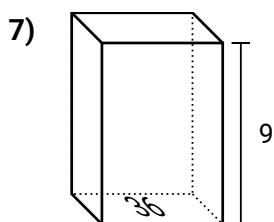
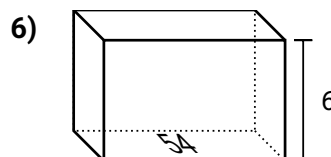
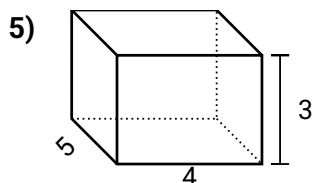
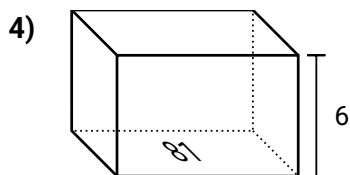
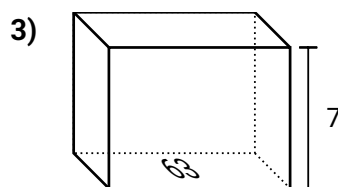
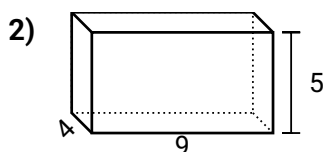
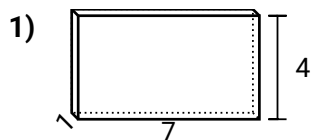
Tìm thể tích của mỗi hình lăng trụ chữ nhật. Đơn vị tính bằng cm (không tính theo tỷ lệ). Nhớ $V = BH$ và $V = L \times W \times H$

**Câu trả lời**

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____
10. _____
11. _____
12. _____
13. _____
14. _____
15. _____



Tìm thể tích của mỗi hình lăng trụ chữ nhật. Đơn vị tính bằng cm (không tính theo tỷ lệ). Nhớ $V = BH$ và $V = L \times W \times H$

**Câu trả lời**

1. 28 centimet³
2. 180 centimet³
3. 441 centimet³
4. 486 centimet³
5. 60 centimet³
6. 324 centimet³
7. 324 centimet³
8. 72 centimet³
9. 128 centimet³
10. 24 centimet³
11. 189 centimet³
12. 54 centimet³
13. 448 centimet³
14. 504 centimet³
15. 84 centimet³